

KHOẢN TÍN DỤNG SỐ: 5113- VN

HIỆP ĐỊNH TÀI TRỢ

(Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững)

Giữa

Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam

và

Hiệp hội Phát triển Quốc tế

Ngày 9 tháng 8 năm 2012

HIỆP ĐỊNH TÀI TRỢ

HIỆP ĐỊNH, đề ngày 9 tháng 8 năm 2012, giữa NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (“Bên Tiếp nhận”) và HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ (“Hiệp hội”). Bên Tiếp nhận và Hiệp hội đã nhất trí các vấn đề sau:

ĐIỀU I – CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG; ĐỊNH NGHĨA

- 1.01. Các điều kiện chung (như được định nghĩa và điều chỉnh trong Phụ đính của Hiệp định này) cấu thành một phần không thể tách rời của Hiệp định này
- 1.02. Trừ phi ngữ cảnh có yêu cầu khác, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hiệp định này có nghĩa tương ứng như được nêu trong phần Các điều kiện chung hoặc trong Phụ đính của Hiệp định này.

ĐIỀU II – TÀI TRỢ

- 2.01. Hiệp hội đồng ý cung cấp cho Bên Tiếp nhận, với điều kiện và điều khoản được quy định hoặc đề cập trong Hiệp định này, một khoản tín dụng tương đương với sáu mươi tư triệu sáu trăm nghìn Quyền Rút vốn đặc biệt (64.600.000 SDR) (“Khoản tín dụng” hoặc “Khoản tài trợ”) để tài trợ cho Dự án được nêu trong Phụ lục 1 của Hiệp định này (“Dự án”).
- 2.02. Bên Tiếp nhận có thể rút số tiền từ Khoản tài trợ phù hợp với Phần IV, Phụ lục 2 của Hiệp định này.
- 2.03. Mức phí cam kết tối đa Bên Tiếp nhận phải trả tính trên số dư khoản tài trợ chưa rút sẽ là một nửa của một phần trăm (1/2 của 1%) trên một năm.
- 2.04. Phí dịch vụ Bên Tiếp nhận phải trả tính trên số dư khoản tín dụng đã rút sẽ bằng ba phần tư của một phần trăm (3/4 của 1%) một năm.
- 2.05. Phí lãi suất mà Bên Tiếp nhận phải trả tính trên số dư khoản tín dụng đã rút sẽ bằng một phẩy hai mươi lăm phần trăm (1,25%) một năm.
- 2.06. Ngày thanh toán các loại phí là ngày 01 tháng 5 và ngày 1 tháng 11 trong từng năm.
- 2.07. Số tiền gốc của khoản tín dụng sẽ được hoàn trả phù hợp với lịch thanh toán được nêu trong Phụ lục 3 của Hiệp định này.
- 2.08. Đồng tiền thanh toán là đồng Đô la.

ĐIỀU III – DỰ ÁN

- 3.01. Bên Tiếp nhận công bố cam kết của mình đối với mục tiêu của Dự án. Để đạt được mục tiêu đó, Bên Tiếp nhận sẽ thực hiện Dự án thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) và các Tỉnh tham gia Dự án phù hợp với các quy định tại Điều IV của Các điều kiện chung.
- 3.02. Không giới hạn trong các quy định tại Mục 3.01 của Hiệp định này, và trừ khi Bên Tiếp nhận và Hiệp hội đồng ý khác đi, Bên Tiếp nhận sẽ thực hiện Dự án phù hợp với các quy định tại Phụ lục 2 của Hiệp định này.

ĐIỀU IV – HIỆU LỰC; CHẤM DỨT

- 4.01. Điều kiện bổ sung để (Hiệp định) có hiệu lực gồm có: Khung Chính sách Tái định cư (RPF) đã được Thủ tướng Chính phủ của Bên Tiếp nhận phê duyệt
- 4.02. Vấn đề Pháp lý bổ sung bao gồm: Khung Chính sách Tái định cư (RPF) đã được Thủ tướng Chính phủ của Bên Tiếp nhận phê duyệt và có ràng buộc pháp lý đối với Bên Tiếp nhận phù hợp với các điều khoản riêng của tài liệu.
- 4.03. Thời hạn hiệu lực là chín mươi (90) ngày kể từ ngày ký kết Hiệp định.
- 4.04. Theo các mục đích trong Mục 8.05 (b) của các Điều Kiện chung thì Bên Tiếp nhận sẽ chấm dứt nghĩa vụ theo Hiệp định này (ngoài nghĩa vụ thanh toán khoản vay) là hai mươi (20) năm kể từ ngày ký kết Hiệp định.

ĐIỀU V – ĐẠI DIỆN; ĐỊA CHỈ

- 5.01. Đại diện của Bên tiếp nhận là Thống đốc, hoặc một Phó Thống đốc của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.
- 5.02. Địa chỉ của Bên Tiếp nhận là:

Ngân hàng Nhà nước Việt nam

49 Lý Thái Tổ

Hà Nội, Việt Nam

Cable address:

Telex:

Fax:

VIETBANK

412248

(84-4) 3825 0612

Hanoi

NHTWVT

- 5.03. Địa chỉ của Ngân hàng Thế giới:

Hiệp hội Phát triển Quốc tế

1818 H Street, N.W.

Washington, D.C. 20433

Hợp chủng Quốc Hoa kỳ

Cable:

Telex:

Fax:

INDEVAS

248423 (MCI)

1-202- 477-6391

Washington, D.C.

NHẤT TRÍ tại Hà Nội, nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, vào ngày, tháng, năm như được ghi ở phần đầu Hiệp định.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bởi _____

Đại diện được ủy quyền

Họ và tên: NGUYỄN VĂN BÌNH

Chức vụ: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

Bởi _____

Đại diện được ủy quyền

Họ và tên: Victoria Kwakwa

Chức vụ: Giám đốc Quốc gia

PHỤ LỤC 1

Mô tả dự án

Mục tiêu phát triển của Dự án là nhằm tăng cường quản lý bền vững nghề cá ven biển tại các tỉnh tham gia Dự án.

Dự án gồm có các Hợp phần sau:

Hợp phần A: Tăng cường năng lực thể chế cho quản lý nghề cá bền vững:

1. Quy hoạch tổng hợp liên ngành khu vực ven biển: cung cấp hỗ trợ cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) và các tỉnh dự án để thực hiện quy hoạch không gian tổng hợp và đánh giá môi trường chiến lược tại các tỉnh dự án.
2. Nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá Việt Nam (Vnfishbase): cung cấp hỗ trợ để xem xét và nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu, trong đó bao gồm các hỗ trợ như: (a) cung cấp thông tin bổ sung và kết nối với các cơ sở dữ liệu nghề cá khác thuộc Bộ; (b) xây dựng một hệ thống quản lý tri thức; (c) cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết; và (d) phát triển nguồn nhân lực.
3. Tiến hành nghiên cứu chính sách đã lựa chọn: cung cấp hỗ trợ để tiến hành nghiên cứu chính sách đã lựa chọn nhằm góp phần xây dựng Kế hoạch tổng thể ngành thủy sản tới năm 2020.

Hợp phần B: Các thực hành tốt cho nuôi trồng thủy sản bền vững

1. Tăng cường quản lý an toàn sinh học: cung cấp hỗ trợ nhằm tăng cường quản lý an toàn sinh học, trong đó bao gồm: (a) nâng cấp các hạng mục cơ sở hạ tầng nông thôn tại các khu vực (cộng đồng) nuôi trồng thủy sản quan trọng được lựa chọn; (b) cung cấp tập huấn kỹ thuật về áp dụng các thực hành nuôi tốt (GAP) cho người nuôi, bao gồm việc xây dựng các mô hình trình diễn sản xuất áp dụng GAP; (c) cung cấp trang, thiết bị kỹ thuật, tập huấn, và kinh phí hoạt động cho các trung tâm khuyến ngư tỉnh/huyện được lựa chọn và các Chi cục thú y/Nuôi trồng thủy sản phục vụ cho việc chẩn đoán, giám sát, báo cáo sớm về dịch bệnh và dập dịch; và (d) cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho chứng nhận GAP, nâng cao năng lực và giám sát kỹ thuật; và (e) đa dạng hoá các hệ thống sản xuất và các đối tượng nuôi.
2. Tăng cường quản lý chất lượng con giống: cung cấp hỗ trợ nhằm tăng cường quản lý chất lượng con giống, trong đó bao gồm: (a) nâng cấp cơ sở hạ tầng công ích cho an toàn sinh học tại các khu vực sản xuất giống được lựa chọn; (b) áp dụng và thực hiện một chương trình chuẩn hoá sản xuất giống; (c) các nghiên cứu về quy hoạch sản xuất giống; (d) xây dựng các khu vực sản xuất tôm giống tập trung và an toàn sinh học mà chỉ sử dụng đàn giống bố mẹ sạch bệnh (SPF) và đã được thuần hoá; và (e) hỗ trợ các viện nghiên cứu thuộc Bộ NN & PTNT tiến hành một chương trình nghiên cứu ban đầu về gia hoá và nâng cao chất lượng con giống.
3. Tăng cường quản lý môi trường: cung cấp hỗ trợ nhằm tăng cường quản lý môi trường, trong đó bao gồm: (a) tăng cường năng lực cho Sở TN & MT các tỉnh dự án thông qua việc cung cấp thêm các trang, thiết bị kỹ thuật và tập huấn và tài trợ kinh phí hoạt động để Sở có thể thực hiện các chương trình theo dõi chất lượng nước trên cơ sở

quản lý rủi ro một cách thường xuyên; và (b) phổ biến các thông tin, dữ liệu và kết quả của các hoạt động theo dõi cho các cơ quan chức năng và người dân địa phương.

Hợp phần C: Quản lý bền vững khai thác thủy sản ven bờ

1. Đồng quản lý khai thác thủy sản gần bờ: cung cấp hỗ trợ cho các cơ quan chức năng và các cộng đồng ngư dân tại các huyện và xã đã lựa chọn nhằm thực hiện đồng quản lý khai thác thủy sản gần bờ, trong đó bao gồm: (a) cung cấp hỗ trợ cho các cộng đồng ngư dân địa phương chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch đồng quản lý; (b) tăng cường năng lực các hệ thống theo dõi, kiểm soát và giám sát của trung ương (Bộ NN & PTNT) và các tỉnh; và (c) cung cấp hỗ trợ nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng đã lựa chọn phục vụ cho người dân tộc thiểu số và/hoặc các cộng đồng ngư dân nghèo tại địa phương để cải thiện sinh kế.

2. Cải tạo các cảng cá và bến cá: cung cấp hỗ trợ nhằm cải thiện các điều kiện đảm bảo vệ sinh và nâng cao hiệu quả hoạt động tại các cảng cá và bến cá được lựa chọn, trong đó bao gồm: (a) cải tạo và/hoặc nâng cấp các cảng cá và bến cá; và (b) tập huấn, nâng cao năng lực và xây dựng các kế hoạch quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hạng mục được cải tạo/nâng cấp.

Hợp phần D: Quản lý, Theo dõi và Đánh giá Dự án

1. Quản lý Dự án: cung cấp hỗ trợ cho Ban Quản lý Dự án trung ương (PCU), Ban Quản lý dự án các tỉnh (PPMUs) và các cơ quan thực hiện khác để quản lý, thực hiện và giám sát Dự án một cách hiệu quả.

2. Theo dõi và Đánh giá: cung cấp hỗ trợ nhằm xây dựng và thực hiện một hệ thống theo dõi và đánh giá một cách hiệu quả.

PHỤ LỤC 2

Thực hiện dự án

Phần I. Tổ chức thực hiện

Các thoả thuận về thể chế

1. Trước ngày 01/7/2012, Bên Tiếp nhận sẽ thành lập và sau đó duy trì, trong suốt thời gian thực hiện dự án, một Ban Chỉ đạo Dự án trung ương (CSC) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với thành phần thành viên và điều khoản tham chiếu đáp ứng được yêu cầu của Hiệp hội Phát triển Quốc tế. CSC sẽ có trách nhiệm hướng dẫn chung về kỹ thuật và chính sách cho Dự án;
2. Bên tiếp nhận sẽ duy trì, trong suốt thời gian thực hiện dự án, một Ban Quản lý Dự án trung ương (PCU) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dưới sự điều hành của một ban quản lý có năng lực chuyên môn, được cung cấp đầy đủ nguồn lực, có đủ số lượng nhân lực có năng lực trong đó, ngoài một số vị trí khác, thì sẽ phải có Giám đốc Dự án, 1 kế toán, 1 cán bộ phụ trách mua sắm, 1 cán bộ kế hoạch, 1 cán bộ về chính sách an toàn môi trường và xã hội, và một cán bộ về theo dõi và đánh giá dự án. Từng vị trí trên phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với điều khoản tham chiếu được Hiệp hội chấp nhận.
3. PCU chịu trách nhiệm: (a) hướng dẫn và hỗ trợ các PPMU thực hiện và quản lý dự án; (ii) xây dựng và duy trì một hệ thống kế toán hợp lý; (c) thực hiện các gói thầu cạnh tranh quốc tế, tuyển chọn tư vấn quốc tế, và các nội dung đấu thầu, mua sắm khác, tùy từng trường hợp; (d) theo dõi chất lượng thực hiện dự án, việc tuân thủ các chính sách an toàn, và tác động của dự án để có báo cáo với Bộ NN & PTNT và Hiệp hội.
4. Trước ngày 1/07/2012, Bên tiếp nhận sẽ đảm bảo mỗi tỉnh dự án thành lập và sau đó duy trì, trong suốt thời gian thực hiện dự án, một Ban Chỉ đạo Dự án cấp tỉnh (PSC) với thành phần thành viên và điều khoản tham chiếu đáp ứng được yêu cầu của Hiệp hội. PSC sẽ có trách nhiệm hướng dẫn chung về kỹ thuật và chính sách cho thực hiện Dự án trên địa bàn tỉnh mình.
5. Bên tiếp nhận sẽ đảm bảo mỗi tỉnh Dự án duy trì, trong suốt thời gian thực hiện dự án, một Ban Quản lý Dự án (PPMU) dưới sự điều hành của một ban quản lý có năng lực chuyên môn, được cung cấp đầy đủ nguồn lực, có đủ số lượng nhân lực có năng lực trong đó, ngoài một số vị trí khác, thì sẽ phải có Giám đốc Dự án, 1 kế toán, 1 cán bộ phụ trách mua sắm, 1 cán bộ kế hoạch, 1 cán bộ về chính sách an toàn môi trường và xã hội, và một cán bộ về theo dõi và đánh giá dự án. Từng vị trí trên phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với điều khoản tham chiếu được Hiệp hội chấp nhận.
6. PPMU sẽ chịu trách nhiệm: (a) chuẩn bị các báo cáo và kế hoạch của dự án; (b) thực hiện các hoạt động mua sắm/đấu thầu; (c) duy trì một hệ thống kế toán hợp lý, đáp ứng yêu cầu của Hiệp hội; (d) theo dõi chất lượng thực hiện dự án và việc tuân thủ các chính sách an toàn; và (f) phối hợp với các huyện và xã được lựa chọn nằm trong dự án để thực hiện hoạt động theo như kế hoạch.

7. Bên Tiếp nhận sẽ

- (a) thực hiện, và đảm bảo thực hiện dự án theo đúng Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (OM). Sổ tay này đưa ra những hướng dẫn và thủ tục thực hiện dự án, trong đó bao gồm: (i) các hợp phần kỹ thuật; (ii) các cơ chế theo dõi và đánh giá dự án; (iii) các thoả thuận về đồng quản lý có sự tham gia; (iv) các quy tắc tổ chức các đoàn công tác giám sát; (v) tuân thủ chính sách an toàn xã hội và môi trường; (vi) các chính sách, thủ tục và yêu cầu của Dự án liên quan đến quản lý tài chính, dòng luân chuyển vốn, xác định vai trò và trách nhiệm, kiểm soát nội bộ và đối chiếu, lưu giữ sổ sách, báo cáo và kiểm toán; (vii) các hướng dẫn và thủ tục đấu thầu, mua sắm phù hợp với các quy định trong Phần III, Phụ lục 2 của Hiệp định Tài trợ, cũng như phân rõ vai trò và trách nhiệm xem xét và phê duyệt đấu thầu, mua sắm; và (viii) Kế hoạch hành động tăng cường Minh bạch và Quản trị dự án; và
- (b) không sửa, điều chỉnh hoặc miễn áp dụng hoặc không cho phép sửa, điều chỉnh hoặc miễn áp dụng đối với các quy định trong Sổ tay thực hiện dự án nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội.

B. Phòng, chống tham nhũng

Bên Tiếp nhận sẽ đảm bảo Dự án được thực hiện theo đúng các quy định trong tài liệu hướng dẫn phòng, chống tham nhũng.

C. Các chính sách an toàn

1. Bên Tiếp nhận sẽ thực hiện, và đảm bảo các tỉnh tham gia dự án sẽ:
 - (a) thực hiện các hành động cần thiết nhằm hạn chế tối đa việc người dân bất buộc phải di dời đi, hoặc mất nơi ở, tài sản, hoặc mất khả năng tiếp cận tài sản, hoặc mất nguồn thu nhập hoặc kế sinh nhai, một cách tạm thời hay vĩnh viễn; và
 - (b) trong trường hợp các hoạt động của Dự án có tác động tới người bị ảnh hưởng thì trước khi bắt đầu những hoạt động đó thì cần chuẩn bị hoặc buộc phải chuẩn bị một Kế hoạch đền bù Tái định cư (RAP), đáp ứng được yêu cầu của Hiệp hội, phù hợp với các hướng dẫn, yêu cầu và thủ tục như quy định trong Khung Chính sách Tái định cư (RPF), và sau đó thực hiện một cách kịp thời Kế hoạch đền bù Tái định cư nêu trên mà đã được Hiệp hội phê duyệt.
2. Bên Tiếp nhận sẽ đảm bảo các tỉnh tham gia dự án chuẩn bị, và bắt buộc phải chuẩn bị các Kế hoạch quản lý môi trường (EMPs) hoặc các Bộ quy tắc thực hành về môi trường (ECOPs), tùy theo trường hợp, được Hiệp hội chấp nhận, và phù hợp với các hướng dẫn, yêu cầu và thủ tục như quy định trong Khung Quản lý môi trường và xã hội (EMPF), và sau đó thực hiện kịp thời các Kế hoạch quản lý môi trường (EMPs) hoặc các Bộ quy tắc thực hành về môi trường (ECOPs) đó.
3. Bên Tiếp nhận sẽ đảm bảo các tỉnh tham gia dự án chuẩn bị, và bắt buộc phải chuẩn bị các Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số (EMDPs) được Hiệp hội chấp nhận, phù hợp với các hướng dẫn, yêu cầu và thủ tục như quy định trong Khung Chính sách dân tộc thiểu số (ESPF), và sau đó thực hiện kịp thời các Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số nêu trên mà đã được Hiệp hội phê duyệt.

4. Bên Tiếp nhận sẽ:
 - (a) không sửa, điều chỉnh hoặc miễn áp dụng hoặc không cho phép sửa, điều chỉnh hoặc miễn áp dụng đối với các quy định trong các tài liệu Chính sách an toàn hoặc bất cứ quy định nào trong bất cứ tài liệu Chính sách bảo trợ đó nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội; và
 - (b) duy trì đầy đủ các chính sách và thủ tục để có thể theo dõi và đánh giá việc thực hiện những tài liệu Chính sách an toàn đó theo đúng như các hướng dẫn được Hiệp hội chấp nhận.
5. Trong trường hợp có sự thiếu nhất quán giữa những quy định trong bất kỳ tài liệu Chính sách an toàn nào và các quy định của Hiệp định này thì những quy định trong Hiệp định này sẽ được áp dụng.
6. Bên Tiếp nhận sẽ đảm bảo tất cả việc thu hồi đất phục vụ cho công việc xây lắp trong Dự án sẽ được tài trợ hoàn toàn từ nguồn lực của Bên Tiếp nhận, và Bên Tiếp nhận sẽ cung cấp nhanh chóng các nguồn lực cần thiết cho hoạt động này.
7. Không giới hạn trong các quy định tại đoạn 1 Phần II.A của Phụ lục 2 này, Bên Tiếp nhận sẽ thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để thường xuyên thu thập, tập hợp, và trình lên Hiệp hội thông tin về tình hình tuân thủ các Chính sách an toàn, như một phần trong báo cáo của dự án, trong đó cung cấp chi tiết về:
 - (a) Các biện pháp đã thực hiện nhằm cụ thể hoá hơn nữa các tài liệu chính sách an toàn;
 - (b) Các điều kiện, nếu có, có tác động hoặc có nguy cơ tác động đến việc thực hiện thông suốt các chính sách an toàn; và
 - (c) Các biện pháp khắc phục đã hoặc sẽ cần phải tiến hành để giải quyết những điều kiện trên.

D. Thực thi pháp luật và các quy định về thủy sản

1. Để đảm bảo các hoạt động theo dõi, kiểm soát và giám sát trong tiểu Hợp phần C1 của Dự án được thực hiện theo đúng thiết kế và đạt được mục tiêu của Dự án, và trừ phi Hiệp hội có đồng ý khác bằng văn bản, Bên Tiếp nhận sẽ đảm bảo rằng: tất cả các mục chỉ tiêu hợp lệ cho các hoạt động theo dõi, kiểm soát và giám sát được sử dụng hoàn toàn cho cơ quan dân sự hoặc cho các cộng đồng ngư dân cho mục đích duy nhất là thực thi pháp luật và quy định về thủy sản của nước Bên Tiếp nhận, và sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích quân sự nào, hoặc cho thực thi pháp luật không liên quan đến lĩnh vực thủy sản; và (b) khoản vốn từ Hiệp định tài trợ sẽ không được sử dụng để mua vũ khí hoặc đạn dược hoặc để tập huấn sử dụng vũ khí hoặc đồ quân dụng.
2. Các đợt công tác giám sát được hỗ trợ trong tiểu hợp phần C1 của Dự án sẽ phải tuân theo các quy tắc được nêu chi tiết trong Sổ tay thực hiện dự án, và được chuẩn bị căn cứ theo điều khoản tham chiếu đáp ứng được yêu cầu của Hiệp hội, trong đó bao gồm:
 - (a) Công tác giám sát chỉ ưu tiên cho việc thực thi quy định về quản lý thủy sản và trước và sau mỗi đợt công tác cần phải ghi chép đầy đủ và

lập thành tài liệu nhiệm vụ của đợt công tác đó; và Hiệp hội có quyền kiểm tra và kiểm toán hoặc thuê kiểm toán các hồ sơ và tài liệu của mỗi đợt công tác vào bất kỳ thời điểm nào;

(b) Các bên có tham gia vào các đợt công tác giám sát như các cơ quan chức năng, các cộng đồng ngư dân và bất kỳ nhà thầu dân sự nào, nếu có tham gia, sẽ cùng ký vào biên bản ghi nhớ của đợt công tác được lập theo mẫu và nội dung đáp ứng được yêu cầu của Hiệp hội;

(c) Các tài khoản của những đơn vị tiếp nhận hoặc được hưởng lợi từ tài trợ của Dự án được duy trì theo cách thức đáp ứng được yêu cầu của Hiệp hội và giúp cho việc tuân thủ với các quy định trong Mục I. D của Hiệp định tài trợ được hiệu quả và có thể xác minh được;

(d) Công tác giám sát được thực hiện bởi đội ngũ nhân sự được đào tạo phù hợp về sử dụng các trang, thiết bị dùng cho công tác giám sát; và

(e) Đợt công tác được thực hiện dưới sự kiểm soát của một cán bộ thủy sản được uỷ quyền, nhưng phải tuân theo sự điều khiển chung của thuyền trưởng, nhất là đối với những vấn đề về an toàn và ứng phó khẩn cấp.

3. Bên tiếp nhận sẽ đảm bảo rằng vào bất kỳ thời điểm nào nếu có phát hiện bất kỳ tàu/thuyền nước ngoài và thủy thủ đoàn trong vùng ven biển của Dự án hoặc vùng đặc quyền kinh tế của Bên tiếp nhận thì việc đó sẽ phải được xử lý hoàn toàn phù hợp với các nghĩa vụ của Bên tiếp nhận theo luật pháp quốc tế, trong đó bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, các nghĩa vụ theo Điều 73 Công ước Liên hợp quốc về Luật biển, cho dù những nghĩa vụ đó có thể trái ngược với quy định nào đó trong luật, nghị định, quy định, sắc lệnh hoặc bất kỳ văn bản pháp lý nào đó của Bên tiếp nhận.

Phần II. Giám sát, báo cáo và đánh giá dự án

A. Báo cáo tiến độ

1. Bên tiếp nhận sẽ giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án và chuẩn bị các báo cáo tiến độ phù hợp với các quy định trong Mục 4.08 phần Điều kiện chung của Hiệp định và dựa trên cơ sở các chỉ số giám sát được nêu trong đoạn 2 dưới đây của Mục II.A này. Mỗi báo cáo đều phản ánh hoạt động trong giai đoạn 1 quý, và sẽ được gửi tới Hiệp hội không muộn hơn bốn mươi lăm (45) ngày sau khi kết thúc kỳ hoạt động phản ánh trong báo cáo.

2. Các chỉ số như đề cập ở đoạn 1 ở trên gồm có các chỉ số sau:

(a) Các chỉ số theo dõi kết quả:

(i) Có ít nhất năm mươi phần trăm (50%) các trại nuôi có nguồn nước được xử lý theo tiêu chuẩn quốc gia nhờ áp dụng các thực hành nuôi tốt (GAP);

(ii) Giảm hai mươi phần trăm (20%) các thiệt hại do dịch bệnh ở các vùng nuôi tôm có áp dụng quy trình thực hành nuôi trồng thủy sản tốt; và

(iii) Tăng 50% diện tích các khu vực ven biển có áp dụng hệ thống quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ theo hướng bền vững

(b) Các chỉ số theo dõi trước mắt:

(i) Đối với Hợp phần A:

(A) Một trăm phần trăm (100%) các tỉnh, các huyện và xã nằm trong dự án được đào tạo về quy hoạch liên ngành;

(B) Tám (8) tỉnh dự án có thành lập các tổ công tác quy hoạch liên ngành;

(C) Mười hai (12) nghiên cứu được thực hiện, góp phần vào việc xây dựng Kế hoạch Tổng thể ngành thủy sản đến năm 2020; và

(D) Tám (8) tỉnh dự án có hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá được nâng cấp và vận hành đầy đủ.

(ii) Đối với Hợp phần B:

(A) Hai mươi nghìn (20.000) nông dân được đào tạo về các thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP);

(B) Hai mươi (20) cơ sở sản xuất giống thủy sản hoạt động theo các tiêu chuẩn an toàn sinh học;

(C) Năm mươi phần trăm (50%) nông dân trong khu vực được Dự án hỗ trợ có sử dụng con giống chất lượng và/hoặc con giống có chứng nhận chất lượng;

(D) Tám (8) cơ quan cấp tỉnh phụ trách về quản lý dịch bệnh thú y thủy sản được tăng cường năng lực về chẩn đoán, giám sát và báo cáo sớm về dịch bệnh; và

(E) Năm mươi phần trăm (50%) các trại nuôi trong khu vực được lựa chọn tiếp cận được và/hoặc có sử dụng các hệ thống quản lý rác thải/nước thải phù hợp.

(iii) Đối với Hợp phần C:

(A) Mười sáu (16) huyện dự án áp dụng và thực hiện thành công đồng quản lý khai thác thủy sản ven bờ;

(B) Thực hiện thành công mô hình đồng quản lý tại ba mươi nghìn (30.000) hecta, là khu vực có đa dạng sinh học cao và có môi trường sinh thái quan trọng;

(C) Mười sáu (16) trạm theo dõi, kiểm soát và giám sát cấp huyện được thành lập, có đầy đủ cán bộ, nhân viên và chính thức đi vào hoạt động; và

(D) Mười sáu (16) cảng cá và bến cá đi vào hoạt động sau khi đã cải thiện được các điều kiện đảm bảo vệ sinh, và nâng cao các thực hành sơ chế;

(iv) Đối với Hợp phần D:

(A) Sáu (6) tỉnh dự án thực hiện công tác quản lý, theo dõi & đánh giá dự án đạt yêu cầu.

B. Quản lý tài chính, Báo cáo tài chính và Kiểm toán

1. Bên tiếp nhận sẽ duy trì hoặc đảm bảo duy trì một hệ thống quản lý tài chính phù hợp với Mục 4.09 trong các Điều kiện chung của Hiệp định.
2. Không giới hạn trong các quy định tại Mục A của Phần II này, Bên tiếp nhận sẽ chuẩn bị và gửi tới Hiệp hội các báo cáo tài chính quý chưa kiểm toán không muộn hơn bốn mươi lăm (45) ngày sau khi kết thúc mỗi quý, theo mẫu và nội dung được Hiệp hội chấp nhận.
3. Các Báo cáo Tài chính của Bên Tiếp nhận sẽ được kiểm toán phù hợp với các quy định tại Mục 4.09 (b) trong Các điều kiện chung. Mỗi kỳ kiểm toán báo cáo tài chính sẽ được thực hiện cho giai đoạn một năm tài khoá của Bên tiếp nhận. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán sẽ được gửi cho Hiệp hội chậm nhất là sáu (6) tháng sau khi kết thúc mỗi năm tài khoá.

Phần III. Mua sắm

A. Quy định chung

- Hàng hóa, Công trình xây lắp và các dịch vụ phi tư vấn.** Tất cả hàng hóa, công trình xây lắp và các dịch vụ phi tư vấn cần thiết cho Dự án và được tài trợ từ nguồn vốn vay sẽ được mua sắm, đấu thầu theo các yêu cầu được quy định hoặc đề cập đến tại Phần I của Hướng dẫn mua sắm, và theo các quy định của Phần III này.
- Dịch vụ Tư vấn.** Tất cả dịch vụ tư vấn cần thiết cho Dự án và được tài trợ từ nguồn vốn vay sẽ được mua sắm, đấu thầu theo các yêu cầu được quy định hoặc đề cập trong Phần I và IV của Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn, và theo các quy định của Phần này.
- Các định nghĩa.** Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng dưới đây trong Phần này để mô tả các phương pháp mua sắm cụ thể hoặc phương pháp xem xét của Hiệp hội đối với các hợp đồng cụ thể, tham chiếu tới phương pháp tương ứng được trình bày trong Phần II và III Hướng dẫn mua sắm hoặc Phần II, III, IV và V Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn, tùy theo từng trường hợp.

B. Các phương pháp cụ thể về Mua sắm Hàng hóa, các Công trình Xây lắp và các dịch vụ phi tư vấn

- Đấu thầu Cạnh tranh Quốc tế.** Trừ khi được quy định khác trong đoạn 2 dưới đây, hàng hóa, công trình xây lắp và các dịch vụ phi tư vấn sẽ được mua sắm, đấu thầu theo hình thức Đấu thầu Cạnh tranh Quốc tế.
- Các phương pháp mua sắm, đấu thầu khác áp dụng cho Mua sắm Hàng hóa, Công trình xây lắp và các dịch vụ phi tư vấn.** Bảng dưới đây nêu cụ thể các phương pháp mua sắm khác, ngoài phương pháp Đấu thầu Cạnh tranh Quốc tế, sẽ được sử dụng để mua sắm Hàng hóa, Công trình xây lắp và các dịch vụ phi tư vấn. Kế hoạch mua sắm sẽ quy định cụ thể các trường hợp được sử dụng những phương pháp này:

<u>Phương pháp mua sắm</u>
(a) Đấu thầu Cạnh tranh trong nước, tùy thuộc vào các quy định bổ sung được quy định trong Phụ đính của Phụ lục 2
(b) Mua sắm trên cơ sở chào hàng cạnh tranh
(c) Hợp đồng trực tiếp (direct contracting).

C. Các phương pháp cụ thể về Mua sắm, đấu thầu Dịch vụ Tư vấn

- Phương pháp tuyển chọn tư vấn trên cơ sở Chất lượng và Chi phí.** Trừ khi được quy định khác trong đoạn 2 dưới đây, các hợp đồng dịch vụ tư vấn sẽ được mua sắm, đấu thầu theo phương pháp tuyển chọn tư vấn dựa vào Chất lượng và Chi phí.

2. **Các phương pháp khác về Mua sắm, đấu thầu Dịch vụ Tư vấn.** Bảng dưới đây mô tả các phương pháp mua sắm, đấu thầu dịch vụ tư vấn, ngoài phương pháp tuyển chọn tư vấn trên cơ sở Chất lượng và Chi phí, có thể sẽ được sử dụng cho các dịch vụ tư vấn. Kế hoạch mua sắm sẽ quy định cụ thể các trường hợp được sử dụng những phương pháp này.

Phương pháp Mua sắm, đấu thầu dịch vụ tư vấn
(a) Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chất lượng
(b) Tuyển chọn tư vấn dựa trên cơ sở chi phí cố định
(c) Tuyển chọn tư vấn dựa vào chi phí thấp nhất
(d) Tuyển chọn tư vấn trên cơ sở Năng lực của Tư vấn
(e) Tuyển chọn từ một nguồn duy nhất đối với trường hợp tuyển công ty tư vấn
(f) Các thủ tục được quy định trong Đoạn 5,2 và 5.3 của Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn áp dụng cho tuyển tư vấn cá nhân
(g) Thủ tục tuyển chọn tư vấn cá nhân từ một nguồn duy nhất

D. Xét duyệt của Hiệp hội đối với các quyết định mua sắm

Kế hoạch mua sắm, đấu thầu sẽ quy định những hợp đồng nào cần phải được Hiệp hội xét duyệt trước. Những hợp đồng còn lại sẽ được Hiệp hội xét duyệt sau.

Phần IV. Rút vốn từ Khoản Tài trợ

A. Quy định chung

1. Bên Tiếp nhận có thể rút vốn theo các quy định của Điều II trong Các điều kiện chung, theo quy định của Phần IV này và các hướng dẫn bổ sung mà Hiệp hội sẽ nêu cụ thể qua các thông báo gửi cho Bên Tiếp nhận (gồm cả “Hướng dẫn giải ngân của Ngân hàng Thế giới cho các Dự án” ban hành tháng 5 năm 2006, được Hiệp hội sửa đổi theo từng thời kỳ và được áp dụng cho Hiệp định này phù hợp với các hướng dẫn nêu trên) để tài trợ cho các khoản Chi tiêu Hợp lệ như được quy định trong bảng ở đoạn 2 dưới đây.
2. Bảng dưới đây nêu cụ thể các hạng mục của các khoản Chi tiêu Hợp lệ có thể được tài trợ từ số tiền của Khoản Tài trợ (“Hạng mục”), mức phân bổ số tiền của Khoản Tài trợ cho mỗi hạng mục và tỉ lệ phần trăm tài trợ cho các chi tiêu hợp lệ trong từng Hạng mục:

Hạng mục	Số tiền của Khoản Tài trợ được Phân bổ (tính bằng SDR)	% Chi tiêu được Tài trợ (gồm cả Thuế)
(1) Hàng hóa (bao gồm cả phương tiện đi lại) và công trình xây lắp	47.550.000	100%
(2) Các dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn, chi phí hoạt động gia tăng, và đào tạo/tập huấn và hội thảo	17.050.000	100%
Tổng số	64.600.000	

B. Điều kiện rút vốn; Thời gian rút vốn

1. Mặc dù có các quy định tại mục A của Phần này, các khoản rút vốn sẽ không được phép sử dụng để chi trả cho các khoản chi thực hiện trước ngày ký kết Hiệp định này.
2. Ngày hết hạn rút vốn là ngày 31 tháng 1 năm 2018.

Phụ đính của Phụ lục 2

Các thủ tục Đấu thầu Cạnh tranh Trong nước

Thủ tục Đấu thầu Cạnh tranh Trong nước là các thủ tục được quy định tại Điều 18 về Đấu thầu rộng rãi của Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Luật Đầu tư xây dựng cơ bản, và Nghị định 58/2008/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và Lựa chọn Nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng ngày 5 tháng 5 năm 2008 (gọi chung là “Pháp luật Đấu thầu Trong nước”) có cân nhắc thích đáng về tính kinh tế, hiệu quả và minh bạch như được quy định và phù hợp với Phần I của “Hướng dẫn mua sắm bằng Vốn vay IBRD và Tín dụng IDA” do Hiệp hội ban hành tháng 5 năm 2004, sửa đổi tháng 10 năm 2006 (“Hướng dẫn”) và theo yêu cầu tại đoạn 3.3 và 3.4 của Hướng dẫn. Trong trường hợp các quy định của Pháp luật Đấu thầu Trong nước không thống nhất với các yêu cầu tại đoạn 3.3 và 3.4 của Hướng dẫn thì sẽ áp dụng theo Hướng dẫn, cụ thể như sau:

Tư cách hợp lệ

1. Tư cách hợp lệ của các nhà thầu sẽ được xác định như quy định tại Phần I của Hướng dẫn; theo đó không nhà thầu hoặc nhà thầu tiềm năng nào bị công bố là không đủ điều kiện thực hiện các hợp đồng do Hiệp hội tài trợ vì các lý do không được quy định trong Phần I của hướng dẫn. Các nhà thầu nước ngoài sẽ có tư cách hợp lệ tham gia đấu thầu theo cùng các điều kiện như các nhà thầu trong nước. Cụ thể, không được dành ưu tiên trong nước cho các nhà thầu trong nước so với các nhà thầu nước ngoài trong quá trình chấm thầu và nhà thầu nước ngoài sẽ không bị yêu cầu hình thành các liên doanh với các nhà thầu trong nước để dự thầu. Các nhà thầu có trụ sở tại cùng tỉnh hoặc thành phố của cơ quan mua sắm sẽ không được ưu tiên so với nhà thầu có trụ sở ở nơi khác.

2. Các doanh nghiệp hoặc đơn vị nhà nước thuộc quốc gia Bên Tiếp nhận chỉ đủ điều kiện tham gia đấu thầu tại quốc gia Bên Tiếp nhận trong trường hợp doanh nghiệp hoặc đơn vị đó có thể chứng minh được rằng doanh nghiệp hoặc đơn vị: (a) tự chủ về mặt pháp lý và tài chính; (b) hoạt động theo luật doanh nghiệp; và (c) không phải là cơ quan trực thuộc Bên Tiếp nhận hoặc Bên tiếp nhận cấp địa phương. Các cơ quan quân sự và an ninh hoặc các doanh nghiệp trực thuộc, báo cáo trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc thuộc sở hữu một phần hoặc toàn bộ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sẽ không được phép tham gia đấu thầu.

Đăng ký

3. Việc đăng ký sẽ không được sử dụng để đánh giá năng lực của các nhà thầu. Một nhà thầu nước ngoài sẽ không bị buộc phải đăng ký để được nộp hồ sơ dự thầu, và nếu nhà thầu đó được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và có giá đánh giá thấp nhất thì sẽ được tạo cơ hội hợp lý để tiến hành đăng ký mà không có sự ngăn cản và trở ngại nào. Việc đấu thầu sẽ không hạn chế đối với bất cứ loại nhà thầu cụ thể nào và các nhà thầu không được phân loại cũng sẽ có tư cách hợp lệ tham gia đấu thầu.

Quảng cáo; Thời gian chuẩn bị thầu

4. Thư mời thầu sẽ được quảng cáo ít nhất trên một tờ báo trong nước được phát hành rộng rãi, với thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu tối thiểu là ba mươi (30) ngày kể từ ngày mời thầu hoặc ngày phát hành hồ sơ mời thầu, tùy thuộc thời gian nào xảy ra sau, và các nhà thầu tiềm năng sẽ được phép mua hồ sơ mời thầu cho đến trước khi hết hạn nộp hồ sơ dự thầu. Ngoài ra, Bên Tiếp nhận nên quảng cáo mời thầu trên Báo Đầu thầu của Chính phủ và trên trang trang tin điện tử (website) được truy cập miễn phí và không hạn chế.

Hồ sơ mời thầu chuẩn

5. Phải sử dụng Hồ sơ mời thầu chuẩn được Hiệp hội chấp thuận.

Các tiêu chí về Năng lực nhà thầu

6. Các tiêu chí về năng lực phải được nêu rõ ràng trong hồ sơ mời thầu, và chỉ những tiêu chí đó mới được sử dụng để đánh giá xem một nhà thầu có đạt tiêu chuẩn hay không. Năng lực nhà thầu sẽ được đánh giá trên cơ sở đạt hoặc không đạt và sẽ không sử dụng điểm thưởng. Việc đánh giá sẽ chỉ tính đến năng lực và nguồn lực của các nhà thầu để thực hiện hợp đồng, cụ thể là kinh nghiệm, tình hình thực hiện các hợp đồng tương tự trong quá khứ, năng lực của nhân sự, thiết bị và phương tiện xây dựng và sản xuất, và năng lực tài chính.

Nộp thầu, Mở thầu và Chấm thầu

7. Các nhà thầu có thể lựa chọn để nộp thầu theo hình thức chuyển trực tiếp hoặc qua dịch vụ chuyển phát tài liệu hoặc qua bưu điện. Các hồ sơ dự thầu sẽ được mở công khai ngay sau khi hết hạn nộp hồ sơ. Những hồ sơ dự thầu nhận được sau thời hạn nộp sẽ bị loại và chuyển trả cho nhà thầu nguyên trạng.

(a) Hồ sơ mời thầu sẽ được bán cho bất cứ ai trả lệ phí mua hồ sơ, mức phí này không được vượt quá chi phí in ấn, tái bản và giao nhận hồ sơ, và không có điều kiện nào khác được áp dụng đối với việc bán hồ sơ mời thầu.

(b) Việc chấm thầu sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí đã được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu và sẽ được định lượng theo giá trị tiền tệ theo các tiêu chí đầu thầu chứ không theo giá; điểm thưởng sẽ không được sử dụng trong chấm thầu.

(c) Hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật và có giá chào được đánh giá là thấp nhất và sẽ không có đàm phán về giá. Nhà thầu sẽ không bị yêu cầu phải thực hiện các nghĩa vụ không được nêu trong hồ sơ mời thầu như là một điều kiện để được trao thầu, hoặc sửa đổi bản hồ sơ dự thầu gốc.

(d) Nhà thầu sẽ không bị loại khỏi phần đánh giá chi tiết do có những sai lệch nhỏ và không quan trọng.

(e) Không nhà thầu nào bị loại trên cơ sở so sánh với ước tính chi phí và mức ngân sách trần của bên tuyển dụng nếu không có sự nhất trí trước với Hiệp hội.

(f) Bản sao biên bản mở thầu công khai sẽ được cung cấp ngay cho tất cả các nhà thầu nộp hồ sơ, và cho Hiệp hội đối với các hợp đồng cần Hiệp hội xem xét trước.

Loại tất cả các hồ sơ dự thầu và mời thầu lại

8. Không được loại tất cả các hồ sơ dự thầu hoặc yêu cầu lập hồ sơ mới mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội.

Khiếu nại của các nhà thầu và xử lý khiếu nại

9. Bên Tiếp nhận sẽ thực hiện một cơ chế kháng nghị độc lập và hữu hiệu cho phép các nhà thầu được kháng nghị và được giải quyết kháng nghị đúng thời gian.

Gian lận và tham nhũng

10. Hiệp hội sẽ công bố một công ty hoặc cá nhân vĩnh viễn hoặc trong một thời gian quy định không đủ điều kiện để được trao hợp đồng do Hiệp hội tài trợ nếu tại bất cứ thời điểm nào xác định được công ty hay cá nhân đó đã trực tiếp hoặc thông qua một đại lý, có dính líu đến các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, hoặc ép buộc để cạnh tranh hoặc thực hiện một hợp đồng do Hiệp hội tài trợ.

Quyền thanh tra/kiểm toán

11. Mỗi hồ sơ mời thầu và hợp đồng được tài trợ từ nguồn vốn vay đều có quy định yêu cầu các nhà thầu, nhà cung cấp, nhà thầu xây dựng và nhà thầu phụ cho phép Hiệp hội, khi Hiệp hội yêu cầu, thanh tra các tài khoản và hồ sơ của họ liên quan đến việc nộp hồ sơ dự thầu và thực hiện hợp đồng và cho phép các cơ quan kiểm toán do Hiệp hội chỉ định kiểm toán các tài khoản và hồ sơ đó. Nếu có vi phạm có chủ ý và nghiêm trọng từ phía nhà thầu, nhà cung cấp, nhà thầu xây dựng hoặc nhà thầu phụ đối với quy định này thì sẽ được xem là một hành vi gây cản trở.

Cấp phép

12. Các nhà thầu nước ngoài sẽ được dành một khoảng thời gian hợp lý để xin cấp và được cấp giấy phép lao động, và sẽ không bị từ chối một cách tùy tiện.

Công bố việc trao hợp đồng

13. Bên Tiếp nhận sẽ công bố các thông tin sau đây về việc trao hợp đồng trên Báo Đấu thầu của Chính phủ hoặc trên các trang tin điện tử (website) truy cập miễn phí và không hạn chế hoặc bằng các phương tiện thông tin khác được Hiệp hội chấp nhận: (a) tên mỗi nhà thầu dự thầu; (b) giá chào thầu khi mở thầu; (c) tên và giá chấm thầu của mỗi hồ sơ được chấm; (d) tên của nhà thầu mà hồ sơ bị loại và lý do loại; và (e) tên nhà thầu trúng thầu, giá chào cũng như thời gian và tóm tắt phạm vi hợp đồng được trao. Việc công bố này sẽ được cập nhật thường xuyên.

PHỤ LỤC 3

Lịch trả nợ

Ngày thanh toán	Số tiền gốc của khoản tín dụng phải trả (tính theo tỷ lệ phần trăm)*
Vào ngày 1 tháng 5 và ngày 1 tháng 11 mỗi năm:	
Bắt đầu từ ngày 1 tháng 11 năm 2017 đến hết ngày 1 tháng 5 năm 2027	1,65%
Bắt đầu từ ngày 1 tháng 11 năm 2027 đến hết ngày 1 tháng 5 năm 2037	3,35%

* Các tỷ lệ phần trăm này là tỷ lệ phần trăm số tiền gốc của khoản tín dụng sẽ được hoàn trả, trừ phi Hiệp hội có thể quy định khác theo Mục 3.03(b) tại phần Điều kiện chung của Hiệp định.

PHỤ ĐÍNH

Phần I. Các định nghĩa

- (1). “Người bị ảnh hưởng” có nghĩa là người mà do việc thực hiện Dự án, đã hoặc sẽ phải chịu những tác động bất lợi trực tiếp về mặt xã hội và kinh tế do (a) đất đai bị trưng dụng một cách không tự nguyện dẫn đến (i) phải di dời hoặc mất nơi cư trú; (ii) tổn thất về tài sản hoặc khả năng tiếp cận tài sản; hoặc (iii) tổn thất nguồn thu nhập hoặc phương tiện kiếm sống dù người đó có phải di dời đến nơi khác hay không; hoặc (b) bị hạn chế khả năng tiếp cận một cách không tự nguyện tới những khu bảo tồn hoặc những vùng được bảo hộ hợp pháp, từ đó tạo nên những tác động bất lợi về sinh kế cho những người này.
- (2). “Hướng dẫn chống tham nhũng” nghĩa là “Hướng dẫn về phòng chống gian lận và tham nhũng trong các dự án được tài trợ bằng khoản vốn vay IBRD hoặc khoản tín dụng và khoản tài trợ không hoàn lại của IDA” ban hành ngày 15/10/2006 và được chỉnh sửa trong tháng 1 năm 2011.
- (3). “Hạng mục” có nghĩa là hạng mục được nêu trong bảng tại Phần IV, Phụ lục 2 của Hiệp định này.
- (4). “Ban Chỉ đạo dự án trung ương” hay “CSC” được thành lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm mục đích đưa ra các hướng dẫn mang tính chiến lược chung cho thực hiện dự án và được đề cập đến trong đoạn 1 Phần I.A trong Phụ lục 2 của Hiệp định này, Ban Chỉ đạo này có thể, tùy từng thời điểm, sẽ được tổ chức lại khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội.
- (5). “Xã” là một khu vực hành chính được thành lập trong một huyện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật của Bên tiếp nhận hoặc bất kỳ một khu vực hành chính kế nhiệm nào.
- (6). “Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn” nghĩa là “Hướng dẫn lựa chọn và tuyển dụng tư vấn của Bên vay Ngân hàng Thế giới” tháng 05/2004, sửa đổi ngày 1/10/2006 và 1/5/2010.
- (7). Sở Tài nguyên và Môi trường hay “DONRE” là cơ quan chức năng quản lý ngành tài nguyên và môi trường cấp tỉnh của Bên Tiếp nhận hay bất kỳ một cơ quan kế nhiệm nào.
- (8). “Huyện” là một khu vực hành chính được thành lập trong một tỉnh theo quy định trong Hiến pháp và luật pháp của Bên tiếp nhận hoặc bất kỳ một khu vực hành chính kế nhiệm nào.
- (9). “Bộ quy tắc thực hành về môi trường” hay “ECOP” nghĩa là những yêu cầu và các thực hành chuẩn mực, được đề cập đến trong đoạn 2, Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này, được một tỉnh tham gia Dự án chuẩn bị, thông qua và áp dụng trong quá trình thực hiện các hoạt động của Dự án để đảm bảo tuân thủ với các nội dung cụ thể về môi trường của Dự án; Bộ quy tắc thực hành nói trên có thể sẽ được chỉnh, sửa theo từng thời điểm khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh, sửa bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Bộ quy tắc.

- (10) “Kế hoạch quản lý môi trường” hay “EMP” nghĩa là bản kế hoạch, được Hiệp hội chấp nhận, do một tỉnh tham gia dự án xây dựng và thông qua, và được đề cập đến trong đoạn 2, Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này; bản Kế hoạch này đề ra các hành động, biện pháp và chính sách cụ thể nhằm tối đa hoá lợi ích của Dự án, cũng như loại bỏ, đền bù hoặc giảm nhẹ những tác động bất lợi nào đó đối với môi trường, hoặc hạn chế những tác động đó ở mức chấp nhận được, cũng như đề ra những cơ chế giám sát và quản lý hành chính để đảm bảo việc thực hiện được những hành động, biện pháp và chính sách đề cập ở trên; Kế hoạch quản lý môi trường nói trên có thể sẽ được sửa, đổi theo từng thời điểm khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh, sửa cho bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong bản Kế hoạch.
- (11) “Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số” hay “EMDP” nghĩa là bản kế hoạch, được Hiệp hội chấp nhận, do một tỉnh tham gia dự án xây dựng và thông qua, và được đề cập đến trong đoạn 3, Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này; bản Kế hoạch này đề ra các biện pháp nhằm đảm bảo những cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ nhận được những lợi ích kinh tế, xã hội phù hợp với văn hoá của họ, và nếu phát hiện ra có bất kỳ ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng nào đó đối với những cộng đồng này thì cần có những biện pháp để đảm bảo sẽ tránh được, hạn chế ở mức thấp nhất, giảm nhẹ, hoặc thực hiện đền bù cho những ảnh hưởng đó; Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số nói trên có thể sẽ được chỉnh, sửa theo từng thời điểm khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh, sửa cho bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong bản Kế hoạch.
- (12) “Khung chính sách dân tộc thiểu số” hay “EMPF” là khung chính sách, được Hiệp hội chấp nhận, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông qua theo Quyết định số 771/QĐ-BNN-HTQT ngày 9 tháng 4 năm 2012 và được đề cập đến trong đoạn 3, Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này; Khung chính sách này đề ra các chính sách và thủ tục để đảm bảo những cộng đồng dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ nhận được những lợi ích kinh tế, xã hội phù hợp với văn hoá của họ, và nếu phát hiện ra có bất kỳ ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng nào đó đối với những cộng đồng này thì cần có những biện pháp để đảm bảo sẽ tránh được, hạn chế ở mức thấp nhất, giảm nhẹ, hoặc thực hiện đền bù cho những ảnh hưởng đó cũng như chuẩn bị các Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện dự án; Khung chính sách dân tộc thiểu số nói trên có thể sẽ được chỉnh, sửa theo từng thời điểm khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh, sửa cho bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Khung chính sách.
- (13) “Khung quản lý xã hội và môi trường” hay “ESMF” là khung, được Hiệp hội chấp nhận, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông qua theo Quyết định số 772/QĐ-BNN-HTQT ngày 9 tháng 4 năm 2012 và được đề cập đến trong đoạn 3, Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này; Khung này đề ra các biện pháp bảo vệ xã hội và môi trường có liên quan đến Dự án như xây dựng Bộ quy tắc thực hành về môi trường cũng như chuẩn bị các Kế hoạch quản lý môi trường trong quá trình thực hiện dự án, cũng như đề ra những cơ chế giám sát và quản lý hành chính để đảm bảo việc thực hiện Khung quản lý xã hội và môi trường (ESMF) kể trên; Khung ESMF nói trên có thể sẽ được chỉnh, sửa khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh,

sửa cho bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Khung quản lý môi trường và xã hội.

- (14) “Kế hoạch tổng thể ngành thủy sản đến năm 2020” là kế hoạch tổng thể cho phát triển ngành thủy sản của Bên tiếp nhận cho giai đoạn 2010 – 2020 và sẽ được Thủ tướng Chính phủ thông qua.
- (15) “Các Điều kiện chung” nghĩa là “các điều kiện chung của Hiệp hội Phát triển quốc tế về vốn tín dụng và vốn tài trợ không hoàn lại”, phiên bản ngày 31 tháng 7 năm 2010, trong đó có những chỉnh, sửa được nêu trong Phần II của Phụ đính này.
- (16) “Các thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP)” là bộ tiêu chuẩn các thực hành nuôi trồng thủy sản tốt được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Quyết định số 1530/QĐ-BNN-TCTS ngày 5 tháng 7 năm 2011, và có thể được chỉnh, sửa theo từng thời điểm.
- (17) “Kế hoạch hành động tăng cường tính minh bạch và quản trị nhà nước” là bản kế hoạch được đưa vào thành một phần trong Sổ tay thực hiện dự án và được đề cập đến trong đoạn 7(a) (viii), Phần I.A của Phụ lục 2 trong Hiệp định này; Kế hoạch này đề ra những biện pháp được xây dựng nhằm củng cố công tác quản trị dự án, tăng cường tính minh bạch trong các hoạt động của dự án, tăng tính trách nhiệm giải trình trước công chúng, và giảm bớt các cơ hội tham nhũng; Kế hoạch này có thể sẽ được sửa, đổi khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc sửa, đổi cho bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Kế hoạch.
- (18) “Chi phí hoạt động gia tăng” nghĩa là các chi phí hợp lý cho các mục chi tiêu hợp lệ, gia tăng, được phát sinh trong quá trình thực hiện dự án bởi Bên tiếp nhận và các cơ quan thực hiện dự án cũng như các cơ quan có liên quan tham gia vào dự án và các đối tượng hưởng lợi của địa phương, trên cơ sở các kế hoạch hoạt động và kinh phí hàng năm đã được Hiệp hội phê duyệt; những mục chi tiêu này lẽ ra đã không phát sinh nếu không có dự án, các chi tiêu đó gồm các chi phí cho vật tư văn phòng, vận hành, bảo dưỡng và/hoặc thuê trang thiết bị và phương tiện đi lại; chi phí thông tin, liên lạc; chi phí cho các đợt thông tin, tuyên truyền; chi phí đi lại; và công tác phí cho cán bộ dự án kể cả cán bộ hợp đồng và những người tham gia khác cho mục đích thực hiện, quản lý và giám sát dự án; và tiền lương cho cán bộ hợp đồng; nhưng không bao gồm chi phí về lương và các khoản phụ cấp cho các cán bộ công chức nhà nước của Bên tiếp nhận.
- (19) “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” hay “MARD” nghĩa là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Bên tiếp nhận, hay bất kỳ cơ quan kế nhiệm nào.
- (20) “Vùng ven bờ” là khu vực trong phạm vi không quá sáu (6) hải lý từ biên trở vào đường bờ của Bên tiếp nhận.
- (21) “Sổ tay thực hiện dự án” hay “OM” là tài liệu trong đó có bao gồm Kế hoạch hành động tăng cường tính minh bạch và quản trị nhà nước, được Bên tiếp nhận thông qua theo Quyết định số 770/QĐ-BNN-HTQT ngày 9 tháng 4 năm 2012 để

hướng dẫn thực hiện cho các tỉnh tham gia Dự án, và được đề cập đến trong đoạn 7, Phần I.A trong Phụ lục 2 của Hiệp định này; cuốn Sổ tay này đưa ra các hướng dẫn, chính sách và thủ tục thực hiện dự án, và có thể sẽ được sửa, đôi khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc sửa, đổi bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Sổ tay.

- (22) “Thủ tướng Chính phủ” nghĩa là Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là quan chức cấp cao nhất trong Chính phủ của Bên tiếp nhận.
- (23) “Hướng dẫn mua sắm” nghĩa là “Hướng dẫn mua sắm đối với các khoản vay IBRD và khoản tín dụng IDA” của Ngân hàng Thế giới xuất bản tháng 05/2004, điều chỉnh tháng 10/2006.
- (24) “Kế hoạch đấu thầu mua sắm” có nghĩa là kế hoạch đấu thầu mua sắm cho Dự án của Bên tiếp nhận ngày 30 tháng 3 năm 2012, được đề cập tại đoạn 1.16 của Hướng dẫn mua sắm và đoạn 1.24 của Hướng dẫn tuyển chọn tư vấn, Kế hoạch đấu thầu, mua sắm này sẽ được cập nhật theo từng thời điểm, phù hợp với các quy định của các đoạn nêu trên.
- (25) “Ban điều phối dự án” hay “PCU” nghĩa là đơn vị được thành lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 591/QĐ-DANN-TCHC ngày 9 tháng 4 năm 2012 để thực hiện và điều phối chung cho toàn dự án và được đề cập tại đoạn 2, Phần I.A trong Phụ lục 2 của Hiệp định này; Ban Quản lý Dự án trung ương có thể sẽ được tổ chức lại theo từng thời điểm khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội.
- (26) “Các tỉnh tham gia dự án” là các tỉnh của Bên Tiếp nhận, gồm: Cà Mau, Sóc Trăng, Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định, Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hoá, hay bất kỳ cơ quan kế nhiệm nào.
- (27) “Ban Quản lý dự án tỉnh” hay “PPMU” là đơn vị được mỗi tỉnh tham gia dự án thành lập phù hợp với các quy định trong đoạn 5, Phần I.A trong Phụ lục 2 của Hiệp định này và căn cứ theo: (a) Quyết định số 1035/QĐ-SNN & PTNT ngày 1 tháng 12 năm 2011 của Sở NN & PTNT tỉnh Thanh Hoá; (b) Quyết định số 5583/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân tỉnh Nghệ An; (c) Quyết định 392/QĐ-SNN ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Sở NN & PTNT của Sở NN & PTNT tỉnh Hà Tĩnh; (d) Quyết định số 511/QĐ – SNN ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Sở NN & PTNT tỉnh Bình Định; (e) Quyết định số 324/QĐ – SNN ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Sở NN & PTNT tỉnh Phú Yên; (f) Quyết định số 126/QĐ – SNN ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Sở NN & PTNT tỉnh Khánh Hoà; (g) Quyết định số 700/QĐ – SNN ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Sở NN & PTNT tỉnh Cà Mau; và Quyết định số 09/QĐ – SNN ngày 14 tháng 2 năm 2012 của Sở NN & PTNT tỉnh Sóc Trăng; nhằm quản chung việc thực hiện các hoạt động của Dự án trên địa bàn tỉnh mình; Ban Quản lý dự án tỉnh có thể sẽ được tổ chức lại theo từng thời điểm khi có đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội.
- (28) “Tỉnh” nghĩa là khu vực hành chính được thành lập căn cứ theo Hiến pháp và pháp luật của nước Bên tiếp nhận hoặc bất kỳ khu vực hành chính kế nhiệm nào.

- (29) “Ban Chỉ đạo dự án tỉnh” hay “PSC” được thành lập tại mỗi tỉnh tham gia dự án để có các hướng dẫn chung, mang tính chiến lược cho thực hiện các hoạt động của dự án trên địa bàn tỉnh và được đề cập đến trong đoạn 4 Phần I.A trong Phụ lục 2 của Hiệp định này, Ban Chỉ đạo này có thể sẽ được tổ chức lại theo từng thời điểm khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hiệp hội.
- (30) “Kế hoạch đền bù Tái định cư” hay “RAP” là kế hoạch được Hiệp hội chấp nhận, được đề cập trong đoạn 1 Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này, được từng tỉnh tham gia dự án chuẩn bị và thông qua; Kế hoạch tái định cư đề ra các nguyên tắc và thủ tục áp dụng cho việc thu hồi đất đai và các tài sản có liên quan, và thực hiện đền bù, tái định cư và phục hồi cho những người bị ảnh hưởng theo đúng hướng dẫn và thủ tục được nêu trong Khung chính sách đền bù tái định cư (RPF); Kế hoạch này có thể sẽ được chỉnh, sửa theo từng thời điểm khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh, sửa bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Kế hoạch.
- (31) “Khung chính sách tái định cư” hay “RPF” nghĩa là Khung chính sách cho đền bù tái định cư và thực hiện thu hồi đất được Hiệp hội chấp nhận, được đề cập trong đoạn 1, Phần I.C trong Phụ lục 2 của Hiệp định này, sẽ được Thủ tướng Chính phủ Bên tiếp nhận thông qua; Khung Chính sách này đề ra các biện pháp hạn chế tác động, tăng cường khả năng thực hiện, tổ chức thực hiện và giám sát như tăng cường năng lực thông qua đào tạo/tập huấn, tiến hành việc thu hồi đất và các tài sản có liên quan trong Dự án và thực hiện đền bù, tái định cư và phục hồi cho những người bị ảnh hưởng, và chuẩn bị các Kế hoạch đền bù tái định cư (RAPs) trong quá trình thực hiện dự án; Khung chính sách này có thể sẽ được chỉnh, sửa theo từng thời điểm khi có thoả thuận trước bằng văn bản với Hiệp hội, kể cả việc chỉnh, sửa bất kỳ phụ lục hoặc kế hoạch thực hiện nào đó trong Khung chính sách.
- (32) “Phần công việc tương ứng của Dự án” là các hoạt động của Dự án, được Hiệp hội phê duyệt, để thực hiện tại một tỉnh tham gia Dự án.
- (33) “Các tài liệu chính sách an toàn” là tên gọi chung cho các tài liệu như Kế hoạch quản lý môi trường, Khung chính sách tái định cư, các Kế hoạch đền bù tái định cư; Khung Chính sách dân tộc thiểu số và Kế hoạch Phát triển dân tộc thiểu số.
- (34) “Con giống sạch mầm bệnh” hay “SPF” là con giống khoẻ mạnh và không mang mầm bệnh do được sản xuất từ các cơ sở sản xuất giống có áp dụng các biện pháp an toàn sinh học như có nguồn nuôi ương đáng tin cậy, có thực hiện đầy đủ các biện pháp phát hiện và điều trị các bệnh có thể ngăn ngừa được, có các biện pháp loại bỏ mầm bệnh và khử trùng, và thực hiện các thực hành quản lý tốt nhất.
- (35) “Đào tạo/tập huấn và hội thảo” là các chi phí hợp lý cho các chi tiêu của Bên tiếp nhận nhằm hỗ trợ và thực hiện các hoạt động hội thảo và đào tạo/tập huấn trong Dự án, trên cơ sở kinh phí hàng năm được Hiệp hội phê duyệt; những chi phí này gồm chi phí cho tài liệu đào tạo/tập huấn hoặc tài liệu hội thảo, thuê trang, thiết bị và địa điểm tổ chức, và công tác phí và chi phí đi lại cho những người tham dự đào tạo/tập huấn hoặc hội thảo.

- (36) “Công ước Liên hợp Quốc về Luật biển” là hiệp định quốc tế về luật biển ngày 10 tháng 12 năm 1982 và được Bên tiếp nhận phê chuẩn tham gia vào ngày 25 tháng 7 năm 1994.
- (37) “Cơ sở dữ liệu nghề cá Việt Nam” hay “Vnfishbase” là cơ sở dữ liệu nghề cá của Bên tiếp nhận, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và duy trì, nhằm cung cấp thông tin của ngành phục vụ cho công tác quản lý.

Phần II. Những điều chỉnh đối với các Điều kiện chung

Có một số điều chỉnh đối với các Điều kiện chung như sau:

1. Đoạn (a) của Mục 2.05 được điều chỉnh như sau:

“Mục 2.05 Chi tiêu hợp lệ

(a) là việc chi trả nhằm tài trợ cho các chi phí hợp lý về hàng hoá, công trình xây lắp, dịch vụ, chi phí hoạt động gia tăng hoặc chi phí cho đào tạo/tập huấn và hội thảo cần thiết cho Dự án, được tài trợ từ các khoản tiền của vốn vay và được mua sắm/đấu thầu theo đúng các quy định trong Hiệp định Tài trợ”.
2. Mục 3.02 được điều chỉnh như sau:

“Mục 3.02. *Phí dịch vụ và phí lãi suất*”

(a) *Phí dịch vụ*. Bên Tiếp nhận sẽ thanh toán cho Hiệp hội phí dịch vụ đối với số dư khoản tín dụng đã rút theo mức như quy định trong Hiệp định Tài trợ. Phí dịch vụ sẽ được tính từ ngày mà mỗi khoản vốn tín dụng được rút và sẽ được thanh toán theo từng bán niên vào ngày thanh toán. Các phí dịch vụ sẽ được tính toán trên cơ sở một năm có 360 ngày hoặc một năm 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày.

(b) *Phí lãi suất*. Nếu Hiệp định Tài trợ có quy định trả phí lãi suất, thì Bên Tiếp nhận sẽ trả Hiệp hội phí lãi suất theo số dư khoản tín dụng đã rút theo mức như quy định trong Hiệp định Tài trợ. Lãi suất sẽ được tính từ ngày mỗi khoản tín dụng được rút và sẽ được thanh toán theo từng bán niên vào ngày thanh toán. Lãi suất sẽ được tính toán trên cơ sở một năm có 360 ngày hoặc một năm 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày.
3. Đoạn 28 trong Phụ lục của Các Điều kiện chung (mục “Thanh toán các phí liên quan đến khoản vốn tài trợ”) được điều chỉnh bằng cách thêm các từ “Phí lãi suất” vào giữa các từ “Phí dịch vụ” và “Phí cam kết”
4. Đoạn 32 của Phụ lục được điều chỉnh bằng cách thêm phần định nghĩa về “Phí lãi suất” và các đoạn còn lại sẽ được điều chỉnh lại số thứ tự.

“32. “Phí lãi suất” là loại phí, nếu có, sẽ được quy định trong Hiệp định Tài trợ theo mục đích của Mục 3.02 (b)”.
5. Đoạn 36 của Phụ lục (“Ngày thanh toán”) được điều chỉnh bằng cách thêm các từ “Phí lãi suất” vào giữa các từ “Phí dịch vụ” và “Phí cam kết”.
6. Đoạn 49 của Phụ lục (“Phí dịch vụ”) được điều chỉnh để khớp với Mục 3.02 (a).